

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (HOSE: DCM) MÙA BỘI THU

KHUYẾN NGHỊ: MUA MẠNH

Giá mục tiêu: 47,300

Upside: +34%

Ngành Phân bón | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

BSC nâng khuyến nghị từ **NẮM GIỮ** lên **MUA MẠNH** đối với cổ phiếu DCM, đồng thời nâng giá mục tiêu lên **47,300 VND/cp**, tương ứng mức tăng **+34%** so với giá đóng cửa ngày 05/08/2025. Giá mục tiêu mới tăng **+25%** so với dự báo trước do điều chỉnh tăng **LNST-CĐTS 2025** do tăng giả định giá bán bình quân và sản lượng tiêu thụ.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

- BSC dự báo DTT và LNST-CĐTS năm 2025 ước đạt **19,930 tỷ VND (+48%YoY)** và **2,845 tỷ VND (113%YoY)**, tương ứng EPS = 4,031 VND/cp, P/E fw 2025F = 8.9x, EV/EBITDA fw 2025 = 3.1x.
- So với báo cáo cập nhật gần nhất, **dự phóng doanh thu và lợi nhuận được nâng lần lượt +33% và +58%**, chủ yếu nhờ:
 - sản lượng** Ure/NPK được điều chỉnh tăng +5% và +64% so với giả định trước;
 - giá bán bình quân** Ure/NPK được điều chỉnh tăng +11.9% và +7.3% so với giả định trước.

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Cập nhật Kết quả kinh doanh

KQKD Q2/2025: DTT = 6,037 tỷ VND (+522% YoY, +77% QoQ), LNST-CĐTS = 805 tỷ VND (+42% YoY, +922% QoQ). **KQKD Q2/2025 cao hơn so với dự phóng của BSC**, chủ yếu nhờ biên lợi nhuận gộp vượt +5.8 đpt so với ước tính, trong đó sản lượng tiêu thụ và giá bán lần lượt vượt 17% và 2% so với kỳ vọng.

Cập nhật quan điểm đầu tư ([Tham khảo báo cáo gần nhất](#))

- Giá phân bón bình quân năm nửa cuối năm 2025 được dự báo cao hơn +18% svck năm 2024, chủ yếu nhờ giá ure thế giới neo ở mức cao trong nửa cuối năm. Giá ure giao ngay đã tăng vượt 480 - 500 USD/tấn trong tháng 7-8/2025 và có thể tiếp tục duy trì mức cao này nhờ:
 - Nguồn cung thắt chặt từ Trung Quốc và;
 - Nhu cầu tăng mạnh từ Ấn Độ.
- Luật thuế VAT có hiệu lực từ tháng 7/2025 tiếp tục là yếu tố hỗ trợ lợi nhuận, giúp DCM được hoàn thuế đầu vào.

RỦI RO

- Sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân thấp hơn kỳ vọng;
- Giá khí đầu vào tăng, do biến động tỷ giá và xu hướng tăng của giá dầu;

KQKD	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	15,925	12,602	13,456	19,930
Lợi nhuận gộp	5,703	1,982	2,385	4,630
NPATMI	4,316	1,107	1,333	2,845
EPS	7,701	2,091	2,286	4,031

Trung tâm phân tích BSC

Lưu Thủy Linh
(Chuyên viên phân tích)
Linhlt2@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	36,000
Cổ phiếu LH (Triệu):	529.4
Vốn hoá (Tỷ VND):	17,999
Thanh khoản 30n (Triệu):	5.8
Sở hữu nước ngoài:	5.8%

Mở tài khoản



I. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

Bảng: Tóm tắt KQKD Quý 2/2025

Tỷ đồng	Q2.2025	%QoQ	%YoY	1H.2025	1H.2024	%YoY
DT thuần	6,037	77%	522%	9,444	6,607	43%
Giá vốn	(4,835)	92%	49%	(7,357)	(5,288)	39%
Lãi gộp	1,202	322%	97%	2,087	1,320	58%
DT tài chính	122	222%	2%	219	251	-13%
CP tài chính	(30)	59%	91%	(49)	(30)	65%
Lãi vay	(18)	122%	103%	(34)	(16)	108%
Lãi từ CTLK	-			-	-	
CP BH	(206)	-39%	43%	(545)	(482)	13%
CP QLDN	(195)	14%	33%	(367)	(262)	40%
Lãi từ HĐKD	892	97%	111%	1,344	797	69%
TN khác, ròng	(0)	53%	14%	(1)	(0)	79%
LNTT	907	100%	52%	1,361	981	39%
Thuế	(101)	142%	2522%	(143)	(61)	132%
LNST	806	922%	42%	1,219	919	33%
CĐTS	-			-	-	
LNST-CĐTS	805	922%	42%	1,216	915	33%

Chỉ số

Biên LNG	20%	-6.1đpt	+4.1đpt	22%	20%	+2.1đpt
Biên LNR	13%	+1.3đpt	-1.4đpt	13%	14%	-1.0đpt
SG&A/DT	7%	-8.4đpt	-0.9đpt	10%	11%	-1.6đpt

Nguồn: DCM, BSC Research

KQKD Q2/2025: DTT = 6,037 tỷ VND (+522% YoY, +77% QoQ), LNST-CĐTS = 805 tỷ VND (+42% YoY, +922% QoQ). Trong đó:

- Biên lợi nhuận gộp đạt 20.0% (+4.1 đpt YoY, -6.1 đpt QoQ), cải thiện so với cùng kỳ nhờ giá bán ure tăng +14% YoY. Tuy nhiên, biên giảm so với quý trước do tỷ trọng đóng góp từ mảng NPK – vốn có biên lợi nhuận thấp hơn – tăng lên;
- Chi phí BH & QLDN đạt 401 tỷ VND (+38% YoY, -21% QoQ), tỷ lệ chi phí BH & QLDN/DTT giảm còn 6.7% (-0.9 đpt YoY, -8.4 đpt QoQ), nhờ tốc độ tăng doanh thu vượt chi phí.
(i) So với quý trước: chi phí truyền thông và dịch vụ mua ngoài giảm mạnh, bù đắp phần trích lập tăng cho quỹ KH&CN.

(ii) So với cùng kỳ: chi phí vận chuyển tăng theo doanh thu và trích lập KH&CN cao hơn.

Lũy kế 1H/2025: DTT = **9,444 tỷ VND** (+43% YoY), LNST-CĐTS = **1,216 tỷ VND** (+33% YoY);

Bảng: Tóm tắt tình hình kinh doanh Q2/2025

	Đơn vị	Q2.2025	%QoQ	%YoY	1H.2025	%YoY
Doanh thu thuần	tỷ VND	6,037	77%	522%	9,444	
Sản lượng kinh doanh	nghìn tấn					
- Ure		224	17%	-14%	471	4%
- NPK		144	51%	2518%	193	91%
Giá bán bình quân	VND/kg					
- Ure		10,810	14%	12%	10,336	8%
- NPK		12,164	4%	4%	11,900	2%
Lợi nhuận gộp	tỷ VND	1,202	322%	97%	2,087	58%
Biên lợi nhuận gộp	%	20%	-6.1 đpt	+4.1 đpt	22%	+0.1 đpt
- Ure		29%	+11.6 đpt	+4.6 đpt	30%	+8.1 đpt
- NPK		18%	+4.5 đpt	-9.5 đpt	17%	+2.8 đpt
Chi phí BH & QLDN	tỷ VND	401	-21%	38%	913	23%

Nguồn: DCM, BSC Research

Tình hình kinh doanh – sản lượng và giá bán đều tăng, biên lợi nhuận cải thiện mạnh

- Sản lượng tiêu thụ tăng mạnh so với cùng kỳ, đặc biệt ở mảng NPK:
 - Ure**: sản lượng đạt 224 nghìn tấn (-14% YoY), giá bán bình quân 10,810 VND/kg (+12% YoY).
 - NPK**: sản lượng đạt 144 nghìn tấn (+2,518% YoY), giá bán bình quân 12,164 VND/kg (+4% YoY).
- Biên lợi nhuận gộp chung đạt **20%**, tăng nhẹ so với cùng kỳ (+4.1 đpt YoY), phản ánh sự cải thiện đáng kể ở mảng Ure và cơ cấu sản phẩm tích cực.
 - Biên lợi nhuận gộp Ure đạt **29%** (+4.6 đpt YoY) nhờ giá bán cải thiện và sản lượng ổn định.
 - Biên lợi nhuận gộp NPK đạt **18%** (+2.8 đpt YoY), cải thiện nhờ quy mô sản lượng lớn và giá bán duy trì tích cực.

Đánh giá của BSC

KQKD Q2/2025 cao hơn so với dự phóng của BSC nhờ:

(i) **Mảng NPK**: sản lượng tiêu thụ tăng +57% YoY, biên lợi nhuận cải thiện, giúp lợi nhuận gộp mảng này đạt 318 tỷ VND (+108% YoY), vượt 53% dự phóng;

(ii) **Mảng phế phẩm và sản phẩm khác:** lợi nhuận gộp đạt 182 tỷ VND (+1122% YoY), vượt 169% so với dự phóng.

Lũy kế 1H/2025, DTT và LNST-CĐTS đã lần lượt hoàn thành 63%/68% dự phóng cả năm trong dự báo trước đó của BSC.

2. Cập nhật quan điểm đầu tư (Tham khảo báo cáo gần nhất)

(2.1) Điều chỉnh tăng kỳ vọng giá bán – Giá ure neo cao hỗ trợ triển vọng nửa cuối 2025

Giá bán Ure bình quân nửa cuối năm 2025 được điều chỉnh tăng từ **374 USD/tấn** lên **428 USD/tấn (+14% so với dự phóng trước và +18% so với cùng kỳ năm 2024)**, chủ yếu nhờ giá Ure thế giới neo ở mức cao.

Giá ure giao ngay thế giới đã tăng vượt 480 - 500 USD/tấn trong tháng 7-8/2025 và có thể tiếp tục duy trì mức cao nhờ:

(i) Nguồn cung thắt chặt từ Trung Quốc

Trung Quốc tiếp tục duy trì chính sách kiểm soát xuất khẩu ure, bao gồm kiểm soát hạn ngạch, không xuất sang Ấn Độ và áp giá sàn FOB ở mức 440-450 USD/tấn. Điều này khiến nguồn cung từ Trung Quốc ra thị trường quốc tế sụt giảm rõ rệt và đẩy mức giá Ure quốc tế lên cao.

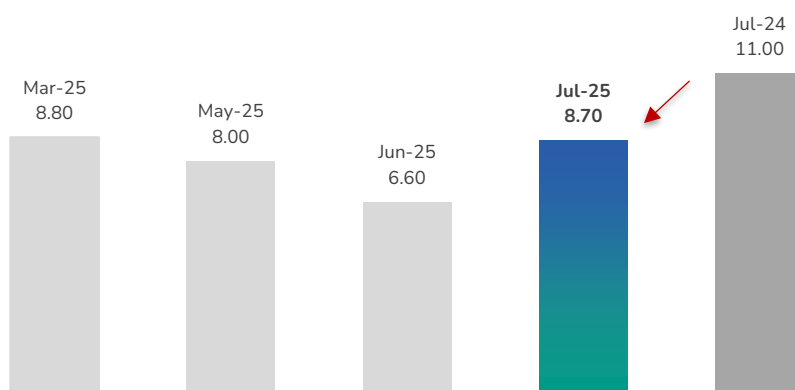
(ii) Nhu cầu tăng mạnh từ Ấn Độ

Nhờ thời tiết thuận lợi và diện tích gieo trồng tăng mạnh trong mùa mưa, nhu cầu ure tại Ấn Độ phục hồi mạnh. Tuy nhiên, các đợt thầu ure hiện tại chỉ đạt 70-75% kế hoạch, buộc nước này phải tổ chức thêm nhiều đợt thầu trong quý III-IV, góp phần giữ giá ure ở vùng cao.

Bên cạnh đó, Ấn Độ đang đối mặt với tình trạng tồn kho ure ở mức thấp, tính đến ngày 1 tháng 7/2025, tồn kho ure của Ấn Độ chỉ còn 6.6 triệu tấn, giảm mạnh 40% so với cùng kỳ năm 2024 khi mức tồn kho đạt 11 triệu tấn.

Hình: Diễn biến mức tồn kho ure tại Ấn Độ từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2025, cho thấy sự sụt giảm nghiêm trọng

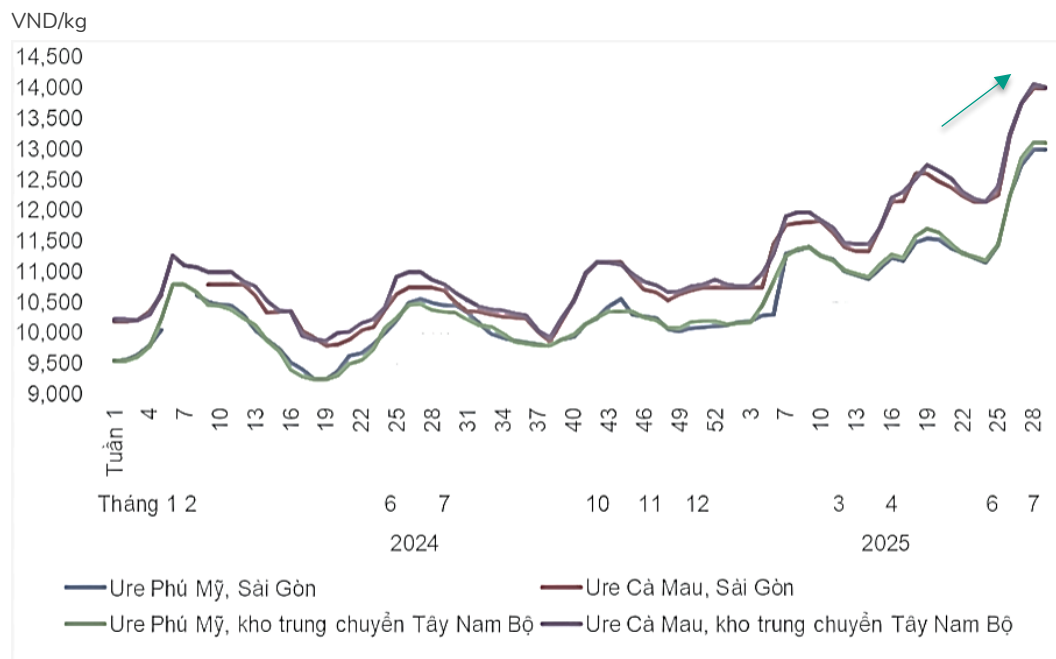
Triệu tấn



Nguồn: India, BSC Research

Tại thời điểm cập nhật báo cáo, **giá Ure Cà Mau** đang giao dịch quanh mức **14,000 VND/kg**, cao hơn **+36%** so với mức kỳ vọng trước, đồng thời tăng **+28%** so với đầu năm và **+35%** so với cùng kỳ.

Hình: Giá Ure trong nước đạt mức cao nhất kể từ 2024



Nguồn: Viettraders

(2.2) Chúng tôi duy trì quan điểm: Luật thuế VAT có hiệu lực từ tháng 7/2025 tiếp tục là yếu tố hỗ trợ lợi nhuận, giúp DCM được hoàn thuế đầu vào.

II. RỦI RO

Chúng tôi nhận thấy hai nhóm rủi ro chính có thể gây áp lực điều chỉnh giảm dự báo:

(1) Sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân thấp hơn kỳ vọng:

Quan điểm đầu tư hiện tại dựa trên giả định giá ure thế giới duy trì vùng cao trong nửa cuối 2025. Tuy nhiên, nếu xảy ra các kịch bản bất lợi sau, triển vọng lợi nhuận có thể bị điều chỉnh giảm:

(1.1) Nhu cầu nhập khẩu từ Ấn Độ giảm hoặc chậm lại;

Ấn Độ hiện là quốc gia nhập khẩu ure lớn nhất thế giới, đóng vai trò nâng đỡ giá ure toàn cầu trong năm 2025. Tuy nhiên, việc tiêu thụ trong nước phụ thuộc lớn vào mùa mưa và chính sách trợ giá. Nếu mùa mưa kết thúc sớm, hoặc diện tích gieo trồng không đạt kỳ vọng, nhu cầu nhập khẩu ure của Ấn Độ có thể giảm mạnh trong quý IV/2025, khiến giá ure điều chỉnh sớm hơn dự báo. Ngoài ra, việc trì hoãn các đợt thầu mới hoặc kết quả trúng thầu vượt kế hoạch cũng có thể tạo áp lực giảm giá.

(1.2) Trung Quốc đẩy mạnh xuất khẩu trở lại với mức giá thấp hơn giá sàn để xuất hiện tại (450 USD/tấn);

Hiện tại, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách kiểm soát xuất khẩu ure chặt chẽ, bao gồm giới hạn quota, không xuất khẩu sang Ấn Độ và áp dụng giá sàn FOB 440 - 450 USD/tấn. Tuy nhiên, nếu Trung Quốc bất ngờ nới lỏng hoặc tạm dừng giá cao để xuất khẩu, lượng hàng ra thị trường có thể tăng đột biến, tạo ra áp lực nguồn cung và kéo giá ure xuống dưới vùng dự báo (dưới 435 USD/tấn). Rủi ro này đặc biệt nhạy cảm trong bối cảnh thị trường đang kỳ vọng Trung Quốc giữ vững chính sách kiểm soát đến hết năm 2025.

Nếu cả hai rủi ro trên diễn ra đồng thời, giá bán bình quân của DCM có thể thấp hơn dự phóng, kéo theo sản lượng tiêu thụ sụt giảm do áp lực cạnh tranh, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh và định giá cổ phiếu.

(2) Giá khí đầu vào tăng, do biến động tỷ giá và xu hướng tăng của giá dầu.

Chi phí khí đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành của DCM. Việc giá dầu Brent, dầu FO và tỷ giá USD/VND đảo chiều tăng có thể khiến chi phí khí tăng cao hơn dự phóng, biên lợi nhuận gộp có thể bị thu hẹp.

III. DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự báo DTT và LNST-CĐTS năm 2025 ước đạt **19,930 tỷ VND (+48%YoY)** và **2,845 tỷ VND (113%YoY)**, tương ứng EPS = 4,031 VND/cp, P/E fw 2025F = 8.9.x, EV/EBITDA fw 2025 = 3.12x.

So với báo cáo cập nhật gần nhất, dự phóng DTT và LNST-CĐTS được nâng lần lượt **+33%** và **+58%**, chủ yếu nhờ:

- (1) Sản lượng Ure/NPK được điều chỉnh tăng +5% và +64% so với giả định trước;
- (2) Giá bán bình quân Ure/NPK được điều chỉnh tăng +11.9% và +7.3% so với giả định trước.

Bảng: Thay đổi ước tính kết quả kinh doanh 2025F so với dự phóng cũ

So với báo cáo cập nhật gần nhất chúng tôi điều chỉnh một số giả định chính trong dự phóng kết quả kinh doanh 2025F như sau:

Đơn vị: Tỷ VND	2024	2025F	%thay đổi Dự phóng	%YoY 2025F
Giá dầu FO (USD/MmBTU)	461	455	0.0%▲	-1.3%▼
Giá dầu Brent (USD/tấn)	80	76	-12.6%▼	-5.1%▼
Tỷ trọng mua từ PVN	50%	50%		
Giá khí thiên nhiên (USD/MmBTU)	9.7	9.3	-1.7%▼	-3.3%▼
Doanh thu phân bón	10,415	15,359	33.9%▲	47.5%▲
Doanh thu phân bón tự doanh	2,575	4,378	55.6%▲	70.0%▲
Sản lượng tiêu thụ ('000 tấn)				
Phân bón Ure quy đổi	804	897	5.0%▲	11.6%▲
Phân bón NPK	242	475	63.9%▲	96.4%▲
Phân bón tự doanh	255	361	29.0%▲	41.7%▲
Giá bán bình quân (VND/kg)				
Phân bón Ure quy đổi	9,572	10,754	11.9%▲	12.3%▲
Phân bón NPK	11,224	12,013	7.3%▲	7.0%▲
Phân bón tự doanh	10,107	12,123	20.7%▲	19.9%▲

Nguồn: DCM, BSC Research

- **Giá đầu vào:** Giữ nguyên giả định giá FO ở mức 455 USD/MMBTU (0% so với dự phóng trước), điều chỉnh giảm giá Brent xuống 76 USD/tấn (-12.6%) và giá khí thiên nhiên xuống 9.3 USD/MMBTU (-1.7%).
- **Sản lượng tiêu thụ:** Điều chỉnh tăng so với dự phóng trước: Ure +5% đạt 897 nghìn tấn, NPK +64% đạt 475 nghìn tấn.

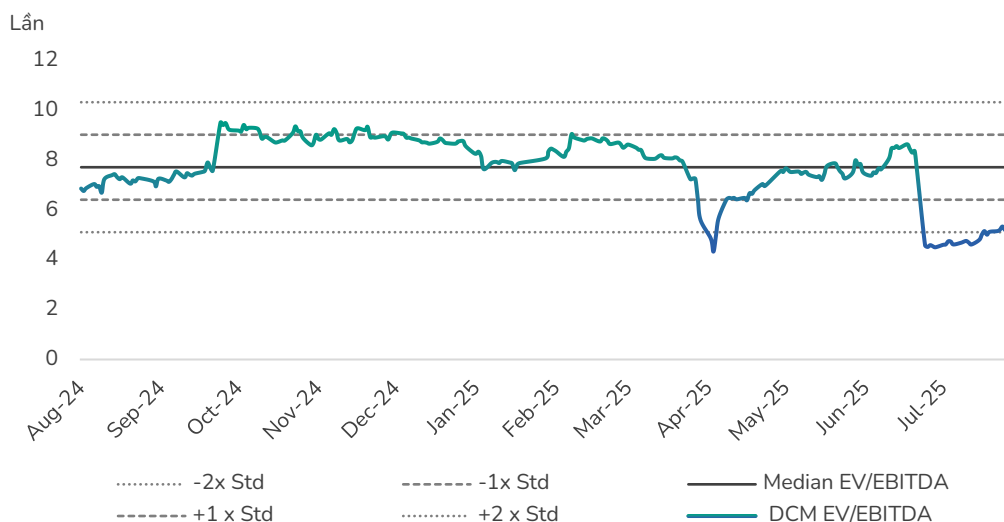
- **Giá bán bình quân:** Điều chỉnh tăng ở cả hai nhóm sản phẩm chính: Ure +11.9% đạt 10,754 VND/kg, NPK +7.3% đạt 12,013 VND/kg.
- Tổng doanh thu dự kiến đạt 19,330 tỷ VND, tăng 33% so với dự phóng trước nhờ đồng thời tăng sản lượng và giá bán.
- Lợi nhuận gộp điều chỉnh tăng 50% lên 4,830 tỷ VND, tương ứng biên lợi nhuận gộp đạt ~25% (so với ~21.5% trong dự phóng cũ), nhờ giá bán bình quân tăng và giá khí đầu vào giảm nhẹ.
- Tổng kết lại: LNST-CĐTS được điều chỉnh tăng +58% so với dự phóng trước.

IV. ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC nâng khuyến nghị từ **NẮM GIỮ** lên **MUA MẠNH** đối với cổ phiếu DCM, đồng thời nâng giá mục tiêu lên **47,300 VND/cp**, tương ứng mức tăng **+34%** so với giá đóng cửa ngày 05/08/2025. Giá mục tiêu mới tăng **+25%** so với dự báo trước do điều chỉnh tăng giá định **LNST-CĐTS 2025**, chủ yếu nhờ cập nhật giả định giá bán bình quân cao hơn.

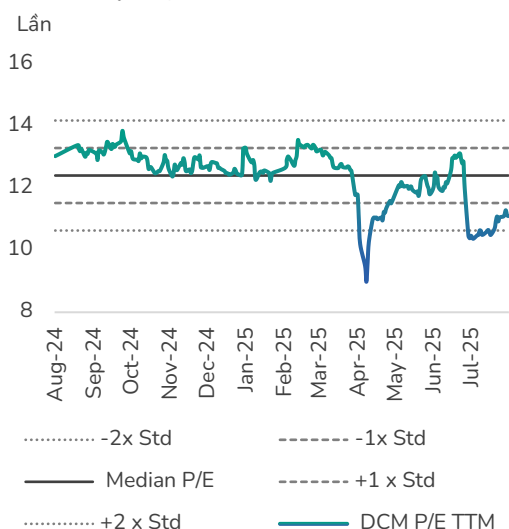
Giá mục tiêu được xác định dựa trên phương pháp **EV/EBITDA**, với **EV/EBITDA mục tiêu 2025F 4.9x**, thấp hơn **15%** so với trung vị 5 năm (5.8x) nhằm phản ánh rủi ro giá phân bốn biến động tiêu cực. Mức định giá này đã bao gồm tác động từ chính sách VAT có hiệu lực từ 01/07/2025.

Hình: Định giá EV/EBITDA



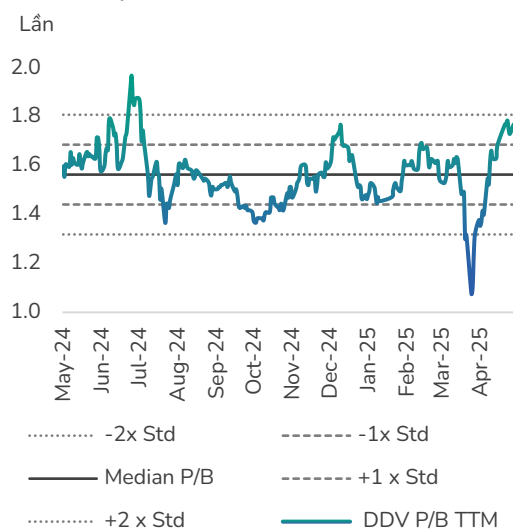
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình: Định giá P/E



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình: Định giá P/B



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phụ lục

KQKD (Tỷ VND)	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	15,925	12,602	13,456	19,930
Giá vốn hàng bán	(10,221)	(10,620)	(11,071)	(15,299)
Lợi nhuận gộp	5,703	1,982	2,385	4,630
Chi phí bán hàng	(698)	(786)	(1,013)	(1,156)
Chi phí QLDN	(653)	(510)	(430)	(539)
Lãi/lỗ HĐKD	4,593	1,229	1,250	2,936
Doanh thu tài chính	301	570	384	386
Chi phí tài chính	(60)	(27)	(77)	(89)
Lợi nhuận từ LDLK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	3	22	199	31
Lợi nhuận trước thuế	4,596	1,251	1,449	3,264
Thuế thu nhập DN	(275)	(143)	6	(408)
LNST công ty mẹ	4,316	1,107	1,333	2,845
CĐTS	5	1	8	10
EBITDA	5,751	1,770	1,210	3,218
EPS	7,701	2,091	2,286	4,031

CĐKT (Tỷ VND)	2022	2023	2024	2025F
Tiền & ĐTT	2,126	2,284	1,903	1,843
Đầu tư ngắn hạn	6,812	8,242	7,039	8,853
Phải thu ngắn hạn	188	389	447	465
Tồn kho	2,283	2,137	2,948	3,213
TS ngắn hạn khác	216	191	500	345
TS ngắn hạn	11,624	13,244	12,837	14,719
TS hữu hình	2,207	1,600	1,946	2,025
Khấu hao	1,398	1,084	268	282
TS dở dang dài hạn	33	127	607	523
ĐT dài hạn	-	-	-	-
TS dài hạn khác	303	308	260	284
TS dài hạn	2,543	2,034	2,813	2,309
Tổng Tài sản	14,167	15,278	15,650	18,209
Nợ phải trả	1,028	1,408	1,655	3,060
Vay ngắn hạn	3	846	1,229	1,548
Nợ ngắn hạn khác	1,843	2,272	1,822	1,036
Tổng Nợ ngắn hạn	2,874	4,525	4,706	5,643
Vay dài hạn	1	3	120	120
Nợ dài hạn khác	686	756	707	707
Tổng Nợ dài hạn	687	759	826	826
Tổng Nợ	3,561	5,285	5,532	6,469
Vốn góp	5,294	5,294	5,294	5,294
LN chưa phân phối	3,018	2,075	1,849	2,763
Vốn chủ khác	2,260	2,593	2,938	3,649
Cổ đông thiểu số	29	28	33	34
Tổng Vốn chủ sở hữu	10,605	9,993	10,118	11,740
Tổng nguồn vốn	14,167	15,278	15,650	18,209
SLCP lưu hành (Triệu)	529	529	529	529

LCTT (Tỷ VND)	2022	2023	2024	2025F
(Lỗ)/LNTT	4,596	1,251	1,449	3,264
Khấu hao và phân bổ	(1,398)	(1,084)	(268)	(282)
Thay đổi VLD	4,381	(104)	(654)	945
Điều chỉnh khác	749	339	(1,064)	(363)
LCTT từ HĐKD	5,732	2,305	61	2,175
Tiền chi mua TSCĐ	(192)	(481)	(1,105)	(501)
Đầu tư khác	(2,193)	(989)	1,427	(1,815)
LCTT từ HĐ đầu tư	(2,385)	(1,470)	322	(2,317)
Tiền chi trả cổ tức	(1,059)	(794)	(794)	(1,059)
Tiền thu khác	(572)	50	153	1,140
LCTT từ HĐTC	(1,631)	(745)	(641)	81
Dòng tiền đầu kỳ	428	2,126	2,296	1,903
Dòng tiền cuối kỳ	2,143	2,215	2,039	1,843

Chỉ số	2022	2023	2024	2025F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	4.5	3.1	2.9	3.2
Hsố TT nhanh	3.6	2.6	2.2	2.6
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTS	25%	35%	35%	36%
Hệ số Nợ/VCSH	34%	53%	55%	55%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	80.1	76.0	83.8	73.5
Số ngày phải thu	4.3	8.4	11.3	8.3
Số ngày phải trả	86.9	102.1	109.5	85.3
CCC	-2.5	-17.8	-14.3	-3.5
Tỷ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	36%	16%	18%	23%
Lợi nhuận LNST	27%	9%	10%	14%
ROE	41%	11%	13%	24%
ROA	34%	7%	9%	17%
Định Giá				
PE	3.4	15.5	15.9	8.9
PB	1.3	1.7	1.9	1.6
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	61%	-21%	7%	48%
Tăng trưởng EBIT	238%	-84%	137%	312%
Tăng trưởng LNTT	135%	-73%	16%	125%
Tăng trưởng EPS	251%	-73%	9%	76%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhdq@bsc.com.vn

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpq@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Vũ Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyvch@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Tuntc@bsc.com.vn

Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn